

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

Số: 74 /NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 09 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quyết định tổng biên chế công chức, phê duyệt số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước; biên chế trong các tổ chức hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHÓA XV, KỶ HỌP THỨ HAI MƯƠI LĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức; số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp; số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 27-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022-2026; Quyết định số 3202- QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Lai Châu năm 2025;

Xét Tờ trình số 4711/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quyết định tổng biên chế công

chức, phê duyệt số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước; biên chế trong các tổ chức hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 604/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định tổng biên chế công chức, phê duyệt số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước; biên chế trong các tổ chức hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025 như sau:

1. Tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính: 1.789 biên chế.

2. Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập: 14.108 người, trong đó:

a) Đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 10.781 người.

b) Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 3.327 người.

3. Hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 1.147 người, trong đó:

a) Trong các cơ quan, tổ chức hành chính: 127 người.

b) Trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 1.020 người, bao gồm:

- Đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 933 người.

- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 87 người.

4. Hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ lĩnh vực y tế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 05 người.

5. Biên chế trong các tổ chức hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: 76 biên chế.

6. Tiếp tục duy trì 415 biên chế sự nghiệp giáo dục đã giao từ năm học 2022-2023, 2023-2024.

7. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 3.712 người, trong đó:

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã: 2.275 người.

b) Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: 1.437 người.

(Có biểu Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ hai mươi lăm thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ



PHỤ LỤC I
BIỂU GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC, HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THỰC HIỆN CÔNG VIỆC
HỖ TRỢ PHỤC VỤ TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 74 /NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh Lai Châu)

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức	Số lượng người làm việc			Hợp đồng công việc hỗ trợ, phục vụ			
			Tổng sự nghiệp	Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên	Hành chính	Tổng sự nghiệp	Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên
	Tổng cộng	1.789	14.108	10.781	3.327	127	1.020	933	87
I	Các sở, ban, ngành	1.066	3.927	676	3.251	88	213	127	86
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	37				9			
1.1	Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh	10							
1.2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	27				9			
2	Văn phòng UBND tỉnh	55	9	9		9			
3	Sở Nội vụ	57	11	11		3	3	3	
4	Sở Ngoại vụ	21				2			
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	46	13	13		3			



	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức	Số lượng người làm việc			Hợp đồng công việc hỗ trợ, phục vụ			
			Tổng sự nghiệp	Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị tự đảm bảo đảm 1 phần chi thường xuyên	Hành chính	Tổng sự nghiệp	Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị tự đảm bảo đảm 1 phần chi thường xuyên
6	Sở Tư pháp	27	9	7	2	3			
7	Sở Xây dựng	33				3			
8	Sở Tài chính	51	6		6	3			
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	34	60	60		3	8	8	
10	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	40	151	151		3	11	11	
11	Sở Thông tin và Truyền thông	24	20		20	2			
12	Thanh tra tỉnh	32				3			
13	Ban Dân tộc	22				2			
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	40	25		25	3			
15	Sở Khoa học và Công nghệ	27	15	15		2	2	2	
16	Sở Công thương	38	10	10		3			
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	297	46	46		15	2	2	



	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức	Số lượng người làm việc			Hợp đồng công việc hỗ trợ, phục vụ			
			Tổng sự nghiệp	Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị tự đảm bảo đảm 1 phần chi thường xuyên	Hành chính	Tổng sự nghiệp	Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị tự đảm bảo đảm 1 phần chi thường xuyên
18	Sở Y tế	58	2.485	46	2.439	7	22	4	18
19	Sở Giáo dục và Đào tạo (biên chế viên chức năm học 2025-2026)	48	841	272	569	3	119	68	51
20	Sở Giao thông vận tải	53				4			
21	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Lai Châu	21	15	15		2	1	1	
22	Văn phòng Ban an toàn giao thông tỉnh	5				1			
23	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh		80		80		5		5
24	Ban Quản lý Trung tâm HC-CT tỉnh		12	12			28	28	
25	Trung tâm Hỗ trợ nông dân		9		9		2		2
26	Trung tâm Hoạt động Thanh thiếu nhi		9	9					
27	Trường Cao đẳng Lai Châu		101		101		10		10
II	UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	723	10.181	10.105	76	39	807	806	1
1	UBND thành phố Lai Châu	98	900	891	9	5	112	112	
1.1	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo (năm học 2025-2026)		842	842					



	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức	Số lượng người làm việc			Hợp đồng công việc hỗ trợ, phục vụ			
			Tổng sự nghiệp	Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị tự đảm bảo đảm 1 phần chi thường xuyên	Hành chính	Tổng sự nghiệp	Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị tự đảm bảo đảm 1 phần chi thường xuyên
1.2	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông và sự nghiệp khác		58	49	9				
2	UBND huyện Tam Đường	89	1.223	1.216	7	5	101	101	
2.1	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo (năm học 2025-2026)		1.162	1.162					
2.2	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông và sự nghiệp khác		61	54	7				
3	UBND huyện Tân Uyên	87	1.223	1.217	6	5	93	93	
3.1	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo (năm học 2025-2026)		1.161	1.161					
3.2	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông và sự nghiệp khác		62	56	6				
4	UBND huyện Than Uyên	88	1.438	1.438		5	104	104	
4.1	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo (năm học 2025-2026)		1.365	1.365					
4.2	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông và sự nghiệp khác		73	73					
5	UBND huyện Phong Thổ	92	1.622	1.622		5	85	85	
5.1	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo (năm học 2025-2026)		1.554	1.554					



STT

Cơ quan, đơn vị

Biên chế
công
chức

Số lượng người làm việc

Hợp đồng công việc hỗ trợ, phục vụ

Tổng sự
nghiệp

Đơn vị do
ngân sách
nhà nước
bảo đảm
chi thường
xuyên

Đơn vị tự
đảm bảo
đảm l
phần chi
thường
xuyên

Hành chính

Tổng sự
nghiệp

Đơn vị do
ngân sách
nhà nước
bảo đảm
chi thường
xuyên

Đơn vị tự
đảm bảo
đảm l
phần chi
thường
xuyên

5.2	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông và sự nghiệp khác		68	68					
6	UBND huyện Sìn Hồ	91	1.710	1.697	13	5	142	141	1
6.1	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo (năm học 2025-2026)		1.637	1.637					
6.2	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông và sự nghiệp khác		73	60	13				
7	UBND huyện Mường Tè	92	1.289	1.248	41	5	117	117	
7.1	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo (năm học 2025-2026)		1.213	1.213					
7.2	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông và sự nghiệp khác		76	35	41				
8	UBND huyện Nậm Nhùn	86	776	776		4	53	53	
8.1	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo (năm học 2025-2026)		724	724					
8.2	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông và sự nghiệp khác		52	52					



PHỤ LỤC II
BIỂU GIAO BIÊN CHẾ TRONG CÁC HỘI QUẢN CHÚNG ĐƯỢC ĐĂNG, NHÀ NƯỚC
GIAO NHIỆM VỤ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 74 /NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh Lai Châu)

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025
	Tổng số	76
1	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	16
2	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	17
3	Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh	9
4	Hội Luật gia tỉnh	5
5	Hội Nhà báo tỉnh	1
6	Hội Người cao tuổi tỉnh	3
7	Hội Khuyến học tỉnh	2
8	Hội Cựu Thanh niên xung phong	2
9	Liên Hiệp các Hội khoa học Kỹ thuật tỉnh	4
10	Hội Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh	1
11	Hội Chữ thập đỏ thành phố Lai Châu	2
12	Hội Chữ thập đỏ huyện Tam Đường	2
13	Hội Chữ thập đỏ huyện Tân Uyên	2
14	Hội Chữ thập đỏ huyện Than Uyên	2
15	Hội Chữ thập đỏ huyện Phong Thổ	2
16	Hội Chữ thập đỏ huyện Sìn Hồ	2
17	Hội Chữ thập đỏ huyện Nậm Nhùn	2
18	Hội Chữ thập đỏ huyện Mường Tè	2



PHỤ LỤC III

BIỂU GIAO BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 74 /NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh Lai Châu)

Stt	Đơn vị	Tổng cộng	Tổng năm học 2022-2023	Biên chế giao bổ sung năm học 2022-2023				Tổng năm học 2023-2024	Biên chế giao bổ sung năm học 2023-2024		
				Giáo viên THPT	Giáo viên THCS	Giáo viên Tiểu học	Giáo viên mầm non		Giáo viên THPT	Giáo viên THCS	Giáo viên mầm non
	TỔNG SỐ	415	163	12	51	53	47	252	28	144	80
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	40	12	12				28	28		
2	Thành phố Lai Châu	23	11		6	5		12		11	1
3	Huyện Tam Đường	64	25		12	13		39		29	10
4	Huyện Tân Uyên	6	0					6			6
5	Huyện Phong Thổ	69	18		9		9	51		36	15
6	Huyện Sìn Hồ	118	63		15	35	13	55		41	14
7	Huyện Nậm Nhùn	65	34		9		25	31		7	24
8	Huyện Mường Tè	30						30		20	10



PHỤ LỤC IV
BIỂU GIAO SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: **74** /NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh Lai Châu)

STT	Tên huyện, thành phố	Số lượng quyết định năm 2025	
		Cán bộ, công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã
	Tổng số	2.275	1.437
1	Huyện Than Uyên	257	161
2	Huyện Tân Uyên	222	145
3	Huyện Tam Đường	265	161
4	Huyện Phong Thổ	376	240
5	Huyện Nậm Nhùn	237	150
6	Huyện Mường Tè	318	217
7	Huyện Sìn Hồ	454	278
8	Thành phố Lai Châu	146	85